

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xử lý vi phạm hành chính về thuế

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Điều 57, Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính;
Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Căn cứ các Luật thuế, Luật Phí và lệ phí và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế;

Căn cứ Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn;

Căn cứ Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn;

Căn cứ Quyết định số 1836/QĐ-BTC ngày 08/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục thuế thuộc Tổng cục Thuế;

Căn cứ Biên bản kiểm tra thuế ký ngày 24/6/2022 giữa Công ty cổ phần tập đoàn CMH Việt Nam và Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 26494/QĐ-CTHN-TTKT3 ngày 09/6/2022 của Cục trưởng Cục thuế TP Hà Nội về việc kiểm tra thuế tại Công ty cổ phần tập đoàn CMH Việt Nam.

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-CTHN ngày 04/01/2022 về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính của Cục Thuế TP Hà Nội;

Xét đề nghị của ông Trưởng Phòng Thanh tra - Kiểm tra số 3 - Cục Thuế TP Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

1. Công ty cổ phần tập đoàn CMH Việt Nam.

Mã số thuế: 0102307343;

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom2, số 33 Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0102307343 do Sở kế hoạch đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/7/2007, thay đổi lần thứ 17 ngày 19/01/2022.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kim Ngọc Nhân Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng Giám đốc

2. Đã thực hiện các hành vi vi phạm hành chính:



- Về thuế GTGT: Công ty kê khai khấu trừ thuế GTGT của hóa đơn mua HHDV của doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh; xác định sai giá đất được trừ đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản; kê khai thiếu doanh thu tính thuế GTGT 0%; doanh thu không chịu thuế đối với hoạt động chuyển nhượng vốn; Kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào không phục vụ sản xuất kinh doanh; không phân bổ thuế GTGT đầu vào được khấu trừ cho doanh thu không chịu thuế. Công ty chưa thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 9, Điều 14, Điều 15, Mục I, Chương II. TT 219/2013/TT- BTC ngày 31/12/2013; Khoản 2, Điều 4, Chương I, TT 219/2013/TT- BTC ngày 31/12/2013.

- Về Thuế TNDN: Công ty hạch toán chi phí mua hóa đơn HHDV của doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh; chưa hoàn nhập chi phí trích lập dự phòng không đủ hồ sơ; công ty hạch toán thiếu doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính đối với hoạt động chuyển nhượng cổ phần; hạch toán thiếu thu nhập khác đối với khoản nợ không xác định được chủ nợ. Công ty chưa thực hiện theo quy định tại Điều 4, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài Chính; Điều 7, điều 9, Chương II, Thông tư số 78/2014/TT - BTC ngày 18/6/2014; Điều 17, Chương V, Thông tư số 78/2014/TT - BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính

- Về kê khai thuế: Công ty chưa thực hiện việc kê khai Phụ lục theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 20/2017/NĐ-CP ngày 24/2/2017 và Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết đối với kỳ tính thuế năm 2020, 2021.

3. Các tình tiết tăng nặng: Không.

4. Các tình tiết giảm nhẹ: Không

5. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền

- Phạt tiền (TM 4254), số tiền: 368.798.687 đồng (*bằng chữ: Ba trăm sáu mươi tám triệu, bảy trăm chín mươi tám ngàn, sáu trăm tám mươi bảy đồng*) theo quy định tại Điều c, Khoản 2, Điều 138 Luật Quản lý Thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 và Khoản 1, Khoản 2, Điều 10 Nghị định 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ; Khoản 1, Điều 16, Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ do có hành vi kê khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp.

- Phạt tiền (TM 4254), số tiền: 24.150.000 đồng (*bằng chữ: Hai mươi tư triệu, một trăm năm mươi ngàn đồng chẵn*) theo quy định tại Khoản d, Điều 4, Điều 13, Chương II, Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 16/10/2013 do đã có hành vi không nộp các phụ lục theo quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết kèm theo hồ sơ quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020, 2021.

- Tiền phạt với mức 1.5 lần thuế trên số tiền thuế trốn (thuế TNDN) – TM 4254, số tiền: 47.124.000 đồng (*bằng chữ: Bốn mươi bảy triệu, một trăm hai mươi tư ngàn đồng chẵn*) theo quy định tại Khoản 2, Điều 11, Chương I Nghị định 129/2013/NĐ-CP ngày 19/10/2013; Điều 4, Chương I và Khoản 2, Điều 17, Chương II, Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt đối với hành vi trốn thuế.

- Phạt tiền (TM 4254), số tiền: 11.120.000 đồng (*bằng chữ: Mười một triệu, một trăm hai mươi ngàn đồng chẵn*) theo quy định tại khoản 4, Điều 6, Chương I, Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính Phủ; khoản 3, Điều 12, Chương II, Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính Phủ do đã có hành vi Khai sai, khai không đầy đủ các chỉ tiêu liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế trong hồ sơ thuế (kê khai sai 03 kỳ tính thuế GTGT tháng 8/2020, tháng 10/2020, tháng 12/2021).

- Phạt tiền (TM 4254), số tiền: 15.000.000 đồng (*bằng chữ: Mười lăm triệu đồng chẵn*) theo quy định tại Khoản 5, Điều 24, Chương III, Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định đối với hành vi không lập hóa đơn khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho người mua.

b) Hình thức xử phạt bổ sung: Không.

c) Các biện pháp khắc phục hậu quả:

* Chi tiết các biện pháp:

- Giảm thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau, số tiền: 1.557.224.008 đồng.

- Giảm thuế TNDN từ hoạt động bắt động sản năm 2020 (TM 1053), số tiền: 5.965.200 đồng (*bằng chữ: Năm triệu, chín trăm sáu mươi lăm ngàn, hai trăm đồng chẵn*).

- Nộp đủ số tiền thuế TNDN còn thiếu vào Ngân sách nhà nước (TM 1052), số tiền: 1.875.409.436 đồng (*bằng chữ: Một tỷ, tám trăm bảy mươi lăm triệu, bốn trăm lẻ chín ngàn, bốn trăm ba mươi sáu đồng*) (Năm 2019: 633.611.777 đồng, năm 2021: 1.241.797.659 đồng).

- Nộp tiền chậm nộp tiền thuế thiếu vào Ngân sách nhà nước (TM 4918), số tiền: 320.259.092 đồng (*bằng chữ: Ba trăm hai mươi triệu, hai trăm năm mươi chín ngàn, không trăm chín mươi hai đồng*) theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 59, Luật số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Luật Quản lý thuế và Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ do có hành vi chậm nộp tiền thuế.

Số tiền chậm nộp tiền thuế nêu trên được tính đến hết ngày 30/6/2022. Yêu cầu Công ty cổ phần tập đoàn CMH Việt Nam tự tính và nộp số tiền chậm nộp tiền thuế kể từ ngày 01/7/2022 đến ngày nộp đủ số tiền thuế chậm nộp vào ngân sách Nhà Nước.

* Thời hạn thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả: 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

* Mọi chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do tổ chức vi phạm có tên tại Điều này chi trả.

6. Một số nội dung xử lý khác: Không

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2022.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho Ông Kim Ngọc Nhân là đại diện cho tổ chức vi phạm có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Tổ chức và cá nhân có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà Công ty cổ phần tập đoàn CMH Việt Nam không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

Công ty cổ phần tập đoàn CMH Việt Nam có trách nhiệm nộp đủ số tiền thuế, tiền phạt và tiền chậm nộp theo quy định tại Điều 1 vào tài khoản số 7111 của Kho bạc Nhà nước TP Hà Nội, cơ quan quản lý thu: Cục thuế TP Hà Nội.

Công ty cổ phần tập đoàn CMH Việt Nam có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Kho bạc nhà nước TP Hà Nội để thu tiền phạt.

3. Gửi cho Trưởng các Phòng: Phòng Thanh kiểm tra số 3, Phòng Kế khai và kế toán thuế, Phòng quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế, Phòng Thanh kiểm tra số 2 để tổ chức thực hiện. /s

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: Hồ sơ VT; TTKT3(02). *m (714)*



Viên Viết Hùng